

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CẦN THƠ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2697 /UBND-KGVX
V/v báo cáo đánh giá kết quả thực
hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP
ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của
Luật phòng, chống mua bán người

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ủy ban nhân dân thành phố nhận được Công văn số 3591/LĐTBXH-PCTNXH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP. Về vấn đề này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổng hợp dự thảo báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người theo đề nghị tại Công văn nêu trên, gửi về Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 05 tháng 9 năm 2019.

Nhận được Công văn này, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện./.

(Đính kèm Công văn số 3591/LĐTBXH-PCTNXH, Đề cương và Biểu mẫu)

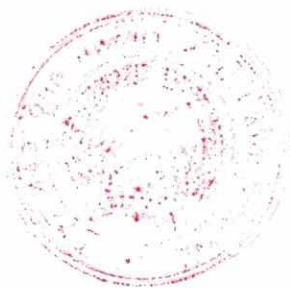
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.UBND TP;
- UBND quận, huyện;
- VP.UBND TP (3C);
- Công TTĐT TP;
- Lưu VT.TP

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thị Hồng Ánh



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

Số: 3591/LĐT BXH-PCTNXH
V/v báo cáo đánh giá kết quả thực hiện
Nghị định số 09/2013/NĐ-CP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

R

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG
ĐẾN số: 15253
Ngày: 22/8/2019
Chuyên: SCL/ĐY
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người làm cơ sở đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2013/NĐ-CP (dự kiến tháng 11/2019).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP (theo đề cương). Thời điểm báo cáo tính từ tháng 6/2013 đến hết tháng 6/2019.

Báo cáo tổng kết gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) trước ngày 10/9/2019 theo địa chỉ: Tầng 10, D25, Tòa nhà làm việc liên cơ quan Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, số 3, ngõ 7, phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội. File mềm báo cáo gửi trước về hộp thư điện tử dungvtk@molisa.gov.vn.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (để b/c);
 - Sở LĐTBXH 63 tỉnh, thành phố;
 - Lưu: VT, Cục PCTNXH (5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


Nguyễn Thị Hà

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số 3591/LĐTĐXH-PCTNXH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Khái quát một số nét cơ bản về đặc điểm, tình hình về vị trí địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... đặc tính dân tộc, tôn giáo, vùng miền và các vấn đề có liên quan, tác động ảnh hưởng đến công tác phòng, chống mua bán người, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Thực trạng tình hình mua bán người trên địa bàn tỉnh, thành phố, số lượng nạn nhân được giải cứu và số nạn nhân được tiếp nhận, xác minh, hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo

- Các văn bản đã được ban hành nhằm chỉ đạo thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP.

- Công tác phối hợp liên ngành trong tổ chức triển khai, thực hiện Nghị định số 09/2013/NĐ-CP.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác tuyên truyền, tập huấn phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.

- Các hoạt động truyền thông, tập huấn đã triển khai (nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền, có số liệu cụ thể).

- Kết quả đạt được, mô hình tuyên truyền hiệu quả.

2.2. Việc thành lập và tổ chức hoạt động của các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nhà nhân ái, nhà tạm lánh.

- Số lượng các cơ sở được cấp Giấy phép thành lập có chức năng về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

- Số lượng các cơ sở hỗ trợ nạn nhân do các cơ quan, tổ chức quản lý như “Nhà nhân ái”; “Nhà tạm lánh” hoặc các cơ sở do cá nhân thành lập, nhưng chưa được cấp Giấy phép thành lập.

- Các hình thức thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân; cơ chế hoạt động của mỗi loại hình; thời gian bắt đầu hoạt động; kết quả đạt được trong công tác hỗ trợ nạn nhân của các cơ sở cho đến nay.

- Những thuận lợi, khó khăn trong việc thành lập và tính pháp lý cho tổ chức hoạt động của các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nhà nhân ái, nhà tạm lánh,... để đảm bảo tính bền vững của các mô hình tại địa phương.

2.3. Công tác hỗ trợ nạn nhân

- Số lượng nạn nhân được tiếp nhận, hỗ trợ tại các cơ sở Bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, “Nhà nhân ái”; “Nhà tạm lánh”, các cơ sở khác trên địa bàn và tại cộng đồng (*Bảng tổng hợp số liệu kèm theo*).

- Các loại dịch vụ, cách thức triển khai thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trên địa bàn. Kết quả đạt được trong việc hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, tư vấn tâm lý, trợ giúp pháp lý; hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn, hòa nhập cộng đồng (Có số liệu cụ thể cả giai đoạn và từng năm).

- Việc lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội với nội dung phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân trong chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em tại địa phương.

- Cơ chế phối hợp trong triển khai quy trình, thủ tục thực hiện chế độ hỗ trợ đối với nạn nhân, đặc biệt cơ chế phối hợp liên ngành tại địa phương (chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chức năng, các tổ chức, cơ sở cung cấp dịch vụ và nạn nhân, người nhà nạn nhân), nhằm nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ nạn nhân.

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

2.4. Các hoạt động lồng ghép nội dung phòng, chống mua bán người và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về vào các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo trợ xã hội, bình đẳng giới và bảo vệ trẻ em tại địa phương.

2.5 Hợp tác quốc tế trong công tác hỗ trợ nạn nhân

- Thống kê các tổ chức, Dự án quốc tế (nếu có) tham gia công tác hỗ trợ nạn nhân như: Tên gọi, cơ chế hợp tác, thời gian thực hiện...

- Nội dung và kết quả hoạt động do các tổ chức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân; Xây dựng các mô hình “Nhóm tự lực”, “Nhóm đồng đẳng”.v.v... cho nạn nhân bị mua bán trở về tại địa phương.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về phòng, chống mua bán người và tham gia hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác hỗ trợ nạn nhân.

- Hiệu quả và tính bền vững của các hoạt động hỗ trợ này.

2.6. Kinh phí thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân

- Tổng kinh phí bố trí thực hiện các hoạt động trong công tác hỗ trợ nạn nhân cả giai đoạn và từng năm.

- Nguồn kinh phí để thực hiện, trong đó:

+ Ngân sách nhà nước (gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương).

+ Tài trợ quốc tế.

2.7. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về hỗ trợ nạn nhân trên địa bàn.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được
2. Tồn tại, hạn chế
3. Nguyên nhân

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về sửa đổi, bổ sung chính sách
2. Về công tác chỉ đạo, điều hành
3. Về kinh phí thực hiện

(Lưu ý, những kiến nghị liên quan đến sửa đổi, bổ sung chính sách cần nêu cụ thể những nội dung cần sửa đổi, lý do cho việc đưa ra những đề xuất đó).

**SỐ NẠN NHÂN BỊ MUA BÁN TRỞ VỀ ĐƯỢC TIẾP NHẬN,
HỖ TRỢ HÒA NHẬP CỘNG ĐỒNG**

Đơn vị báo cáo:

Sở LĐTBXH tỉnh/thành phố:.....

Năm	Số nạn nhân tiếp nhận				Số nạn nhân được hưởng các dịch vụ hỗ trợ								
	Tổng số	Nữ	Dưới 18 tuổi	Ngoại tỉnh	Tổng số	Hỗ trợ thiết yếu ban đầu	Hỗ trợ y tế	Tư vấn tâm lý	Trợ giúp pháp lý	Học văn hóa, học nghề	Trợ cấp khó khăn ban đầu	Vay vốn sản xuất	Số tiền được vay
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2013													
2014													
2015													
2016													
2017													
2018													
06 tháng đầu năm 2019													

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ...tháng ...năm ...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)